CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 7.02
----- o0o ----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
---------- o0o ----------
Lai Châu, ngày .17.. tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN, PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHIA CỔ TỨC
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty: Báo cáo tài chính năm 2022, phương án phân phối lợi nhuận và lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2023.

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022:

I – Báo cáo kiểm toán số: 090323.002/BCTC.KT5 ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC, (có báo cáo kèm theo).

II – Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022:

1 – Tài sản ngắn hạn:	**9.454.266.067**	**đồng**
- Tiền và các khoản tương đương tiền:	1.232.737.859	đồng
- Các khoản phải thu ngắn hạn:	7.822.312.521	đồng
- Hàng tồn kho:	399.215.687	đồng
2 – Tài sản dài hạn:	**233.411.611.709**	**đồng**
- Tài sản cố định:	226.153.843.524	đồng
+ Tài sản cố định hữu hình:	226.153.843.524	đồng
Nguyên giá:	281.438.380.797	đồng
Giá trị hao mòn lũy kế:	(55.284.537.273)	đồng
- Chi phí XDCB dở dang:	4.189.724.285	đồng
- Đầu tư tài chính dài hạn:	3.065.000. 000	đồng
- Tài sản dài hạn khác:	3.043.900	đồng
3 – Nợ phải trả:	**127.724.930.243**	**đồng**
- Vay và nợ tài chính ngắn hạn:	23.000.000.000	đồng
- Phải trả người bán ngắn hạn:	6.600.410.005	đồng
- Thuế và các khoản nộp Nhà nước:	286.326.832	đồng
- Phải trả người lao động:	606.637.503	đồng
- Chi phí phải trả ngắn hạn:	8.262.917.343	đồng
- Phải trả ngắn hạn khác:	6.141.506.312	đồng
- Vay dài hạn ngân hàng:	82.827.132.248	đồng
4 – Vốn chủ sở hữu:	**115.140.947.533**	**đồng**
- Vốn điều lệ:	120.000.000.000	đồng
+ Cổ đông Công ty CP Sông Đà 7.04:	40.800.000.000	đồng
+ Cổ đông Công ty CP Sông Đà 7 :	41.774.060.000	đồng

Signature Not Verified
Ký bởi: Công Ty Cổ Phần Sông Đà 7.02
Ký ngày: 23/3/2023 15:44:09

+ Cổ đông Công ty CP Cao Nguyên–SĐ7:	19.200.000.000	đồng
+ Các cổ đông thể nhân khác:	18.225.940.000	đồng
- Thặng dư vốn cổ phần:	(130.000.000)	đồng
- lợi nhuận chưa phân phối lũy kế:	(6.378.137.906)	đồng
+ LN chưa phân phối LK cuối năm trước:	*(16.156.626.353)*	*đồng*
+ LN chưa phân phối năm nay:	*9.778.488.447*	*đồng*
- Quỹ dự phòng tài chính:	642.712.348	đồng
- Quỹ đầu tư phát triển:	1.006.373.091	đồng

III – Một số chỉ tiêu, kết quả hoạt động kinh doanh

1 – Tổng giá trị SXKD:	42.602.809.864	đồng
2 – Tổng doanh thu thuần:	42.602.809.864	đồng
3 – Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN lũy kế:	(6.378.137.906)	đồng
+ Lợi nhuận lũy kế đến cuối kỳ trước:	*(16.156.626.353)*	*đồng*
+ Lợi nhuận năm 2022:	*9.778.488.447*	*đồng*
4 – Thu nhập bình quân của CBCNV:	13.703.000	đồng
5 – Các khoản phải nộp NSNN:	7.648.345.000	đồng

B – Phương án phân phối lợi nhuận

Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2022 (lãi): 9.778.488.447 đồng

Năm 2022 đơn vị chỉ tập trung công tác quản lý vận hành nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 (8MW), đồng thời quyết toán thu hồi vốn phần dở dang xây lắp còn lại tại các công trình nhận thầu. Thời tiết trong năm thuận lợi có mưa nhiều hơn và không bị sự cố khi vận hành phát điện nên sản lượng phát điện thương phẩm của nhà máy ổn định tương đương với cùng kỳ năm trước, đồng thời lãi vay phải trả ngân hàng năm 2022 giảm do đã thanh toán được thêm khoản nợ gốc, do vậy kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty đã có lãi lớn hơn năm 2021.

Phân phối lợi nhuận: Năm 2022 Công ty đã có lãi nhưng phải bù lỗ các năm trước theo quy định, do vậy lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2022 vẫn còn đang bị lỗ 6,3 tỷ đồng, vì vậy năm 2022 chưa có cổ tức để chia cho cổ đông.

C. Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2023.

Đề nghị Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt lựa chọn Công ty kiểm toán được UBCK Nhà nước chấp thuận để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

Xin trân trọng báo cáo và xin ý kiến thông qua của Đại hội !

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 5400232452 - C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.02 ★ H. TAM ĐƯỜNG - T. LAI CHÂU

Nguyễn Hữu Nhuận

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 tiền thân là Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 7 - tại Hòa Bình thuộc Tổng công ty Sông Đà, năm 2004 được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1575/QĐ - BXD ngày 11 tháng 10 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Năm 2009, Công ty hợp nhất với Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Thi, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400232452 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 25 tháng 11 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 12 tháng 09 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xã Sơn Bình - Huyện Tam Đường - Tỉnh Lai Châu.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Nguyễn Hữu Nhuận	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Hữu Doanh	Thành viên
Ông	Phạm Văn Toàn	Thành viên

Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là:

Ông	Phạm Văn Toàn	Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông	Ngô Quốc Thế	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Văn Long	Kiểm soát viên
Ông	Nguyễn Cao Sơn	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính ;
Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.02

Phạm Văn Toàn

Lai Châu, ngày 09 tháng 03 năm 2023

Số: 090323.002/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 được lập ngày 09 tháng 03 năm 2023, từ trang 07 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 040322.001/BCTC.KT5 ngày 04/03/2022 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02, Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến phân bổ thiếu lợi thế thương mại, trích thiếu khấu hao năm 2019 của dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Thi 2, ghi nhận thiếu doanh thu giá vốn tháng 12/2020, giá trị các khoản đầu tư và nhận ủy thác đầu tư. Các vấn đề này vẫn chưa được Công ty xử lý, khắc phục, dẫn đến chúng tôi tiếp tục phải đưa ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, cụ thể như sau:

Giá trị lợi thế thương mại được Công ty phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2021 là 900 triệu đồng. Trong khi theo quy định, toàn bộ chi phí này đã phải được phân bổ hết vào chi phí của các năm trước đó. Do ảnh hưởng của vấn đề này, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" (Mã số 26) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2021 đang phản ánh thừa số tiền 900 triệu đồng.

Nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 đã tạm tăng nguyên giá theo chi phí tập hợp được đến thời điểm vận hành thương mại vào tháng 7/2018. Trong năm 2019, Công ty tiếp tục hoàn thành và đưa vào sử dụng các hạng mục liên quan đến Nhà máy nhưng chưa ghi nhận tăng nguyên giá bổ sung với giá trị 38,51 tỷ đồng và chưa trích khấu hao tương ứng là 1,56 tỷ đồng. Sang năm 2020, căn cứ trên hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành được duyệt, Công ty đã thực hiện điều chỉnh tăng nguyên giá của nhà máy theo giá trị quyết toán nhưng đến thời điểm hiện tại, giá trị khấu hao của năm 2019 nêu trên vẫn chưa được ghi nhận bổ sung. Do ảnh hưởng của vấn đề này, trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022 chỉ tiêu "Hao mòn lũy kế Tài sản cố định" (Mã số 223) đang phản ánh thiếu, và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) đang phản ánh thừa với cùng số tiền là 1,56 tỷ đồng.

Công ty đang ghi nhận doanh thu và giá vốn bán điện thương phẩm tháng 12/2020 vào Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2021 với số tiền lần lượt là 1.485,4 triệu đồng và 68,9 triệu đồng do được bên mua điện xác nhận khối lượng và đơn vị xuất hóa đơn bán hàng sang tháng 01/2021. Do ảnh hưởng của vấn đề này Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" và chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" của năm 2021 phản ánh thừa số tiền lần lượt là 1.485,4 triệu đồng và 68,9 triệu đồng.

Tại thời điểm 01/01/2022 và 31/12/2022, Công ty đang theo dõi khoản nhận ủy thác đầu tư của các cá nhân tại chỉ tiêu "Phải trả ngắn hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán (thuyết minh số 16) với số tiền lần lượt là 3,15 tỷ đồng và 3.07 tỷ đồng. Các khoản ủy thác này được Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên (số tiền 1,4 tỷ đồng - theo dõi ở chỉ tiêu "Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết) và Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà 7 (số tiền tại thời điểm 01/01/2022 và 31/12/2022 lần lượt là 1,74 tỷ đồng và 1,66 tỷ đồng - theo dõi ở chỉ tiêu "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác") (thuyết minh số 12). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp về vấn đề này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2022, Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh tổng số nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 35,44 tỷ đồng; lỗ lũy kế đến 31/12/2022 là 6,38 tỷ đồng, tương ứng 5,32% vốn góp của chủ sở hữu; nợ quá hạn chưa thanh toán là 6,94 tỷ đồng (Xem thuyết minh số 13 và 16). Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Hoàng Thúy Nga
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0762-2023-002-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**9.454.266.067**	**9.689.209.206**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**1.232.737.859**	**1.281.319.657**
111	1. Tiền		1.232.737.859	1.281.319.657
130	**II. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**7.822.312.521**	**7.984.780.619**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	3.396.425.540	3.504.697.058
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	4.506.808.800	4.506.808.800
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.100.876.961	1.155.073.541
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.181.798.780)	(1.181.798.780)
140	**III. Hàng tồn kho**	**8**	**399.215.687**	**423.108.930**
141	1. Hàng tồn kho		399.215.687	423.108.930
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**233.411.611.709**	**245.924.428.061**
220	**I . Tài sản cố định**		**226.153.843.524**	**238.585.093.776**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	226.153.843.524	238.585.093.776
222	*- Nguyên giá*		*281.438.380.797*	*281.438.380.797*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(55.284.537.273)*	*(42.853.287.021)*
240	**II. Tài sản dở dang dài hạn**		**4.189.724.285**	**4.189.724.285**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	4.189.724.285	4.189.724.285
250	**III. Đầu tư tài chính dài hạn**	**12**	**3.065.000.000**	**3.145.000.000**
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3.000.000.000	3.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.663.000.000	1.743.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.598.000.000)	(1.598.000.000)
260	**IV. Tài sản dài hạn khác**		**3.043.900**	**4.610.000**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	3.043.900	4.610.000
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**242.865.877.776**	**255.613.637.267**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**127.724.930.243**	**150.251.178.181**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**44.897.797.995**	**45.924.045.933**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	6.600.410.005	6.695.385.511
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	286.326.832	1.167.091.809
314	3. Phải trả người lao động		606.637.503	750.416.278
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	8.262.917.343	8.002.847.487
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	6.141.506.312	6.263.304.848
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	23.000.000.000	23.045.000.000
330	**II. Nợ dài hạn**		**82.827.132.248**	**104.327.132.248**
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	82.827.132.248	104.327.132.248
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**115.140.947.533**	**105.362.459.086**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**18**	**115.140.947.533**	**105.362.459.086**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		120.000.000.000	120.000.000.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*120.000.000.000*	*120.000.000.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(130.000.000)	(130.000.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		1.649.085.439	1.649.085.439
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(6.378.137.906)	(16.156.626.353)
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*(16.156.626.353)*	*(21.357.130.115)*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*9.778.488.447*	*5.200.503.762*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**242.865.877.776**	**255.613.637.267**

Lê Văn Cường	**Phạm Văn Phong**	**Phạm Văn Toàn**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Lai Châu, ngày 09 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**	**42.602.809.864**	**42.520.005.436**
10	**2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**42.602.809.864**	**42.520.005.436**
11	**3. Giá vốn hàng bán**	**21**	**21.027.953.170**	**21.505.899.520**
20	**4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch**		**21.574.856.694**	**21.014.105.916**
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính		3.030.942	2.485.116
22	6. Chi phí tài chính	22	10.294.546.957	12.113.879.603
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*10.294.546.957*	*12.113.879.603*
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	1.453.834.362	3.558.188.675
30	**8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**9.829.506.317**	**5.344.522.754**
32	9. Chi phí khác	24	51.017.870	144.018.992
40	**10. Lợi nhuận khác**		**(51.017.870)**	**(144.018.992)**
50	**11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**9.778.488.447**	**5.200.503.762**
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	-	-
60	**13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**9.778.488.447**	**5.200.503.762**
70	**14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**26**	**815**	**433**

M.S.D.N: 5400232452 - C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.02 ★ H. TAM ĐƯỜNG - T. LAI CHÂU

Lê Văn Cường	**Phạm Văn Phong**	**Phạm Văn Toàn**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Lai Châu, ngày 09 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***9.778.488.447***	***5.200.503.762***
	2. Điều chỉnh cho các khoản		***22.722.766.267***	***25.724.443.519***
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		12.431.250.252	12.431.250.252
03	- Các khoản dự phòng		-	1.181.798.780
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.030.942)	(2.485.116)
06	- Chi phí lãi vay		10.294.546.957	12.113.879.603
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***32.501.254.714***	***30.924.947.281***
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		162.468.098	(3.533.282.352)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		23.893.243	3.087.000
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.310.932.070)	(1.841.851.197)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.566.100	898.425.000
14	- Tiền lãi vay đã trả		(9.884.862.825)	(11.628.471.932)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***21.493.387.260***	***14.822.853.800***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.030.942	2.485.116
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***3.030.942***	***2.485.116***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	5.300.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(21.545.000.000)	(21.045.000.000)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(21.545.000.000)***	***(15.745.000.000)***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(48.581.798)**	**(919.661.084)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**1.281.319.657**	**2.200.980.741**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**1.232.737.859**	**1.281.319.657**

Lê Văn Cường	**Phạm Văn Phong**	**Phạm Văn Toàn**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Lai Châu, ngày 09 tháng 03 năm 2023